TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DSST
Ngày 11 - 4 - 2025
"V /v: Tranh chấp về yêu cầu tháo dỡ, di dời công trình trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Thanh Tùng

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Ngọc Quý

2. Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Tiến Huynh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023, về "*Tranh chấp về yêu cầu tháo dỡ, di dời công trình trên đất*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Cảnh H - sinh năm: 1971; trú tại: P, B, tập thể K, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Phan Xuân T - sinh năm: 1984; trú tại: Xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

2. Bà Mai Thị Nha T1; địa chỉ: Tầng D Tòa nhà E, số B T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Ông Trần Nam P; địa chỉ: Tầng D Tòa nhà E, số B T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Ông Phạm Phi H1; Địa chỉ: Tầng F Tòa nhà E, số B đường T, phường T, Quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Đạt C; Địa chỉ: Tầng D Tòa nhà E, số B đường T, phường T, Quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

6. Bà Lê Thị Kim Á; Địa chỉ: Tầng D Tòa nhà E, số B đường T, phường T, Quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N - sinh năm 1964 và bà Võ Thị X - sinh năm 1966; cùng trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X là ông Trần Văn Thoại E - sinh năm: 1977; trú tại: 4 đường A, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Ông E có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2023 gửi đến Tòa án 22/6/2023; các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Phi H1 trình bày:

Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động, đầu tư, và giao đất theo đúng quy định của pháp luật gồm các giấy tờ pháp lý:

1. Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 14/4/2010 của UBND tỉnh K về việc cho phép Công ty Đ thuê đất và mặt biển tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa để xây dựng khu du lịch sinh thái biển H - B.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00446 đã được UBND tỉnh K cấp ngày 21/7/2010 cho Công ty Cổ phần Đ.

3. Biên bản bàn giao đất và cắm mốc định vị của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện V ngày 10/05/2010.

4. Giấy chứng nhận đầu tư số 372031000019 của BQL Khu kinh tế V.

5. Giấy phép xây dựng số 05/GPXD-KKT do BQL khu kinh tế vân Phong cấp ngày 28/03/2011.

Công ty Đ sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý theo quy định. Công ty đã tiến hành nhận đất, thời điểm nhận đất thì đất này là đất trống, không có hộ dân nào sinh sống trên đất này, sau đó công ty đã tiến hành triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng trong phạm vi đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao sử dụng. Tuy vậy trong quá trình triển khai dự án xuất hiện sự việc hộ gia đình ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X đã có hành vi chiếm dụng, tự ý sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty và dựng nhà tạm dùng để ở.

Công ty Đ đã nhiều lần có văn bản thông báo và làm việc với hộ gia đình về việc di chuyển hộ dân ra khỏi phạm vi dự án. Sau đó đã nhiều lần làm việc với hộ gia đình ông Nguyễn Thành N và bà Võ Thị X, ông N, bà X cũng đã đồng ý sẽ di dời và bàn giao lại phần đất sử dụng có lấn của Công ty và công ty cũng đã hỗ trợ một phần kinh phí để hộ gia đình ông N, bà X di dời các công trình trên đất.

Tuy nhiên, sau đó hộ gia đình ông N, bà X không thực hiện như thỏa thuận ban đầu làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Thành N và bà Võ Thị X phải tháo dỡ, di dời các công trình, tài sản ra khỏi phạm vi đất thuộc dự án của Công ty Đ (tài sản di dời, tháo dỡ theo biên bản thẩm định tài sản).

** Tại các đơn yêu cầu, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trần Văn Thoại E trình bày:*

Ông Nguyễn Thành N và bà Võ Thị X là chủ sử dụng khu đất có diện tích khoảng 7,1 ha, vị trí tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Nguồn gốc của thửa đất trên do bà Phan Thị T2 tên thường gọi là bà C1 và là mẹ ruột của bà Võ Thị X tạo lập khai hoang và đã cất nhà sinh sống tại đây từ trước năm 1975. Trước đây người dân địa phương gọi khu đất này là Bãi Cát T3 - Phé bà C1. Lúc đó bà T2 đã cất chòi lá và sinh sống bà nghề mua bán nhu yếu phẩm cho ngư dân đánh bắt gần bờ và mua cá làm nước mắm.

Đến năm 1988, bà T2 bị bệnh khớp đi lại khó khăn nên bà T2 đã cho khu đất và một căn nhà trên cho con ruột là vợ chồng ông N và bà X tiếp tục sinh sống và mua bán nước đá chanh cho các ngư dân và khách du lịch. Vợ chồng ông N, bà X sinh sống ổn định, liên tục trên đất này. Đến năm 2023, có một đám người tự nhận là người của Công ty Đ đến yêu cầu vợ chồng ông N, bà X phải di dời đi nơi khác và ép buộc vợ chồng ông N, bà X phải nhận số tiền là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng). Sau đó, vợ chồng ông N, bà X có đến

Công an xã V trình báo các hành vi vi phạm pháp luật của nhóm người nêu trên không biết lý do tại sao Công an xã V không tiếp nhận vụ việc trình báo trên.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày thêm, bị đơn đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 197/2010/TĐ.BĐ với diện tích là 4552300 m^2 ; vị trí thửa đất tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần Đ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty cổ phần Đ (sau đây gọi là Công ty Đ) khởi kiện yêu cầu buộc tháo dỡ, di dời công trình trên đất thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 197/2010/TĐ.BĐ với diện tích là 4552300 m^2 ; vị trí thửa đất tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa nên theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 21/7/2010 Công ty cổ phần Đ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K cho thuê đất theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 14/4/2010 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 171699 số vào sổ cấp GCN: CT 00446 do Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp ngày 21/7/2010 đối với thửa

đất số 01, tờ bản đồ số 197/2010/TĐ.BĐ; với diện tích là 4552300 m^2 vị trí thửa đất tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X cho rằng nguồn gốc của thửa đất trên do bà Phan Thị T2 tạo lập khai hoang và đã cất nhà tạm sinh sống sau đó cho lại vợ chồng ông N và bà X. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ, tài liệu gì chứng minh việc khai hoang thửa đất trên cũng như các giấy tờ khác liên quan đến nguồn gốc của thửa đất này.

Tại văn bản số 42/GXC- UBND ngày 24/10/2008 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V xác nhận bà Võ Thị X đã lấn chiếm đất do Ủy ban nhân dân xã Q với diện tích đất 176,5 m^2, thời điểm lấn chiếm năm 1986.

Căn cứ các văn bản của Ủy ban nhân dân xã V: Tại Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc thu hồi đất lấn chiếm của bà Võ Thị X đang sử dụng để xây dựng khu du lịch sinh thái biển H - B, đã thu hồi của bà Võ Thị X diện tích 176, 5m^2 đất thuộc thửa đất số 19 và 20 (trích đo địa chính khu đất số 93/2008/TĐ-BĐ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Khánh Hòa lập ngày 21/4/2008.

Tại Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 Ủy ban nhân dân huyện V đã quyết định bồi thường cho bà Võ Thị X số tiền 13.812.838 đồng. Trong đó, 13.752.838 đồng là tiền bồi thường nhà cửa vật kiến trúc và 60.000 đồng là tiền bồi thường cây cối, hoa màu.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng xác nhận ông Nguyễn Thành N và bà Võ Thị X đã nhận đủ số tiền bồi thường 13.812.838 đồng.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, các quyết định thu hồi, bồi thường nói trên thì bà Võ Thị X không còn là chủ thể có quyền sử dụng đất đối với diện tích 176, 5m^2 kể từ khi quyết định thu hồi, bồi thường có hiệu lực pháp luật (năm 2009)

Ngày 21/7/2010 Công ty cổ phần Đ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích là 4552300 m^2 để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh và du lịch. Như vậy, có đủ căn cứ xác định nguyên đơn đã được cơ quan có thẩm quyền giao đất và là người sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Biên bản làm việc ngày 27/9/2022 về việc tranh chấp giữa các bên tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V: Do bị đơn không thống nhất tài sản đang tồn tại trên đất thuộc thửa đất nào, nên

các bên thống nhất thỏa thuận là thuê đơn vị đo đạc, cắm mốc để xác định đúng vị trí, ranh giới đất của các bên. Trường hợp nếu ông Nguyễn Thành N và bà Võ Thị X có lấn chiếm đất của Công ty cổ phần Đ thì ông N, bà X đồng ý trong thời hạn 30 ngày sẽ bàn giao lại phần đất sử dụng lấn chiếm của công ty.

Theo Mảnh trích đo địa chính số: 10-2022 hệ tọa độ VN 2000, tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 và 05 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V lập ngày 23/12/2022 thể hiện ranh hàng rào hộ dân là 1324 m^2, nhà tạm của hộ dân là 150 m^2 hoàn toàn nằm trong phần diện tích đất đã được cấp cho Công ty cổ phần Đ.

Sau khi có mảnh trích đo địa chính, tại Biên bản làm việc lập tại Ủy ban xã V ngày 26/12/2022 giữa Công ty cổ phần Đ với ông Nguyễn Thành N. Ông N cam kết đến hết ngày 19/02/2022 ông N cam kết sẽ di dời cây cối vật kiến trúc trên đất. Đồng thời tại biên bản làm việc giữa các bên ngày 01/8/2023, ông N cũng tiếp tục cam kết di dời tài sản ra khỏi phạm vi dự án của công ty. Cũng tại biên bản này ông N thể hiện đã nhận số tiền 20.000.000 đồng.

Từ các phân tích nói trên có đủ cơ sở để xác định: Nguyên đơn đã được nhà nước giao đất đúng quy định. Các tài sản của bị đơn đang tồn tại trên phần đất của nguyên đơn đã được nhà nước bồi thường theo quy định, bị đơn đã nhận bồi thường không có ý kiến gì. Ngoài ra, bị đơn còn nhận tiền hỗ trợ từ nguyên đơn để di dời tài sản của mình và để giao lại đất cho nguyên đơn. Nhưng bị đơn đã không thực hiện việc di dời tài sản để bàn giao lại đất cho nguyên đơn. Hành vi của bị đơn đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư dự án của nguyên đơn.

[2.2] Về các tài sản, công trình nguyên đơn yêu cầu di dời:

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/7/2024, thì các công trình trên đất gồm có:

- Láng thứ nhất: Mái che bằng nhựa, vách nhựa, nền cát, có kích thước 5m x 6,7 m;

- Láng thứ hai: Bọc nhựa che trên cây tự nhiên, diện tích 10m x 6m;

- Láng thứ ba: Đã sập, còn một mái tole có kích thước 5m x 4m;

- Hai nhà vệ sinh che bạc, diện tích 2m x 2m;

- Một cái giếng đóng, sâu 5m, ống Pi 60;

Tại biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 03/7/2024 xác định được tổng giá trị công trình, kiến trúc trên có giá trị là 21.288.335 đồng (Hai mươi mốt triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng).

[2.3] Từ các nhận định, phân tích tại tiểu mục [2.1] và [2.2] có đủ cơ sở khẳng định việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ các công trình tạm để trả lại hiện trạng đất cho nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về số tiền 20.000.000 đồng ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X đã nhận hỗ trợ, bồi thường từ Công ty Cổ phần Đ ngày 01/8/2023. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn cho rằng ông N, bà X mới nhận số tiền 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, người đại diện bị đơn cho rằng, ông N, bà X bị ép công ty buộc phải ký nhận số tiền nói trên. Tuy nhiên, phía bị đơn không có tài liệu nào chứng minh các bị đơn bị đơn bị ép buộc nhận tiền. Do đó, không có căn cứ để xem xét nội dung này.

[3] Các nội dung khác:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập ông Đoàn Thanh S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông S đã có văn bản trình bày giữa ông và ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X đã thỏa thuận được với nhau về dân sự. Ông S không còn liên quan gì đến vụ kiện này. Hội đồng xét xử xét thấy: Có đủ căn cứ xác định ông Đoàn Thanh S không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án này. Vì vậy, không đưa ông Đoàn Thanh S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X có đơn phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 171699 số vào sổ cấp GCN: CT 00446 do Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp ngày 21/7/2010 cho Công ty Cổ phần Đ đối với thửa đất thửa đất số 01, tờ bản đồ số 197/2010/TĐ.BĐ; vị trí thửa đất tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Sau khi xem xét đơn phản tố, Tòa án đã ra thông báo sửa đổi, bổ sung đơn phản tố số: 122/TB-TA ngày 19/8/2024 nhưng hết thời hạn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ông N bà X không thực hiện theo yêu cầu nên Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh đã Thông báo trả lại đơn phản tố số: 246/TB-TA ngày 22/10/2024. Bị đơn không có ý kiến gì về nội dung này.

[2.4] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình: Bị đơn đã nộp đơn khởi kiện hành chính để yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 197/2010/TĐ.BĐ với diện tích là 4552300 m^2 ; vị trí thửa đất tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cổ

phần Đ. Hiện tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đang xem xét xử lý đơn của bị đơn. Bị đơn không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì khác đối với vụ án này.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu quan điểm về vụ án thể hiện: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Nhận thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về chi phí thẩm định: Chi phí thẩm định nguyên đơn đã thanh toán và không yêu cầu bị đơn phải chịu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 14, Điều 163, Điều 164 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ.

1.1. Buộc ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X phải tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản, công trình đã xây dựng trên phần đất thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 197/2010/TĐ.BĐ; vị trí thửa đất tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Đ.

Các tài sản mà ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X buộc phải di dời, tháo dỡ bao gồm: Láng thứ nhất: Mái che bằng nhựa, vách nhựa, nền cát, có kích thước 5m x 6,7 m; Láng thứ hai: Bọc nhựa che trên cây tự nhiên, diện tích 10m x 6m; Láng thứ ba: Đã sập, còn một mái tole có kích thước 5m x 4m; Hai nhà vệ

sinh che bạc, diện tích 2m x 2m; Một cái giếng đóng, sâu 5m, ống Pi 60. Trả lại mặt bằng hiện trạng đất cho Công ty Cổ phần Đ.

2. Về án phí:

2.1. Ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0002006 ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THA huyện V;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng